TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày: 16-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Quốc Tiến**.
2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị C (Chị 9) - sinh năm 1970,
Địa chỉ: Tổ H, ấp A, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1986,
Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà C *có mặt, chị* T *vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C *trình bày như sau:*

Trước đây, chị Nguyễn Thị T có vay tiền của bà Nguyễn Thị C (tên thường gọi là Chị 9) nhiều lần, việc vay tiền đều có xác lập biên nhận viết tay, cụ thể như sau:

- Ngày 27/3/2016, chị T vay số tiền 5.000.000 đồng.

- Ngày 22/6/2016, chị T vay số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 17/8/2016, chị T vay số tiền 16.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị T đã vay của bà C là 41.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay, chị T không trả số tiền vay gốc nào cho bà C nhưng có đóng tiền lãi cho bà C đến ngày 17/8/2016 rồi ngưng cho đến nay. Tuy nhiên, bà C không nhớ cụ thể bà T đã đóng cho bà C số tiền lãi là bao nhiêu và việc trả tiền lãi nói trên các bên không làm biên nhận nên khôngì chứng minh; do đó, bà C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với số tiền lãi mà bà T đã đóng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà C số tiền vay gốc là 41.000.000 đồng và yêu cầu chị T phải trả số tiền lãi từ ngày 17/8/2016 cho đến ngày 16/6/2023 theo mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền lãi là 56.525.000 đồng.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính các biên nhận đề ngày 27/3/2016, ngày 22/6/2016 và ngày 17/8/2016. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được công khai cho bị đơn biết nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền vay còn nợ là 41.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do nơi cư trú bị đơn đều ở xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa ngày 16/6/2023, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý

do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 41.000.000 đồng (bốn mươi mốt triệu đồng); Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bao gồm các biên nhận đề ngày 27/3/2016, ngày 22/6/2016 và ngày 17/8/2016 có thể hiện chữ ký của chị Nguyễn Thị T.

[5.1] Theo nội dung biên nhận đề ngày 27/3/2016 có thể hiện nội dung "Nguyễn Thị T có hỏi chị 9 số tiền 5 triệu đồng".

[5.2] Theo nội dung biên nhận đề ngày 22/6/2016 có thể hiện nội dung "Nguyễn T. T có hỏi mượn chị 9 20 triệu".

[5.3] Theo nội dung biên nhận đề ngày 17/8/2016 có thể hiện nội dung "Ng thị thúy có hỏi chị 9 mười sáu triệu đồng".

[6] Theo các biên nhận mà nguyên đơn cung cấp đã thể hiện hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và tổng số tiền mà chị T đã vay của bà C là 41.000.000 đồng; Như vậy, đã thể hiện đúng như lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa bà C và chị T là có thật nên việc bà Nguyễn Thị C yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay gốc 41.000.000 đồng là có cơ cở nên chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 17/8/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2023) với số tiền lãi là 56.525.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

[8] Trong các biên nhận mà bà C đã giao nộp không có thể hiện việc hai bên có thỏa thuận lãi suất. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng vay có lãi suất và bị đơn cũng đã thực hiện việc đóng lãi hàng tháng từ ngày vay đến ngày 17/8/2016 nhưng nguyên đơn không chứng minh được hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay có lãi suất. Ngoài ra, nguyên đơn còn cho rằng bị đơn có thực hiện nghĩa vụ đóng lãi hàng tháng đối với 03 khoảng vay nêu trên đến ngày 17/8/2016 nhưng nguyên đơn cũng không xác định được tổng số tiền mà bị đơn đã đóng lãi được là bao nhiêu và cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc bị đơn có đóng lãi.

[9] Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[10] Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự, đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản vào bất

cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Tuy nhiên, nguyên đơn không chứng minh được việc đã thông báo cho phía bị đơn biết về việc đòi lại tiền. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tức là ngày 13/02/2023. Do đó, bị đơn phải có trách nhiệm trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, mức lãi suất được xác định bằng 10%/năm tương đương 0,83%/tháng.

[11] Số tiền chậm trả là 41.000.000 đồng, thời gian chậm trả từ ngày 13/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 4 tháng 3 ngày; như vậy lãi suất được xác định là 41.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 4 tháng 3 ngày, tương đương với số tiền 1.395.000 đồng (một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng), buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị C.

[12] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, buộc chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị C số tiền vay gốc là 41.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 1.395.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất với số tiền là 55.129.770 đồng (56.525.000 đồng - 1.395.000 đồng).

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[13.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.119.500 đồng.

[13.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất (với số tiền 55.129.770 đồng) không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 2.756.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 2.350.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000321 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, nguyên đơn phải nộp tiếp số tiền là 406.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C. Buộc chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vay gốc 41.000.000 đồng và lãi suất là 1.395.000 đồng, tổng cộng cả số tiền vay gốc và

lãi suất là 42.395.000 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với yêu cầu về lãi suất với số tiền là 55.129.770 đồng (năm mươi lăm triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.119.500 đồng (Hai triệu một trăm mười chín nghìn năm trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.756.500 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000321 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, bà Nguyễn Thị C phải nộp tiếp số tiền là 406.500 đồng (Bốn trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Trường Chinh